

THỰC ĐƠN ĂN NỘI TRÚ NĂM HỌC 2025 - 2026

(Từ ngày 01/12/2025 đến 05/12/2025)

Thứ	Ngày/tháng/năm	Bữa ăn	Chi tiết thực phẩm	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
2	Ngày 01/12/2025 (Tổng 203 hs ăn)	Bữa trưa: (Thịt lợn rang + đậu phụ sốt cà chua , Chả lụa rim mắm, canh bí đỏ)	- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	13	1.690.000	
			- Đậu phụ	Kg	25.000	15	375.000	
			- Chả lụa	Kg	150.000	8	1.200.000	
			- Bí đỏ	Kg	16.000	13	208.000	
			- Cà chua	Kg	17.000	2	34.000	
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000	
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500	
			- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000	
			- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000	
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000	
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500	
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000	
			- Ga	Kg	36.400	12	436.800	
							4.143.800	
		Bữa tối: (Chả cá rán; trứng rán; canh cải bắp, thịt xào su su)	- Chả cá	Kg	95.000	13,5	1.282.500	
			- Trứng	Quả	4.500	203	913.500	
			- Cải bắp	Kg	18.000	12	216.000	
			- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	9	1.170.000	
			- Su su	Kg	16.000	12	192.000	
			- Cà chua	Kg	17.000		-	
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000	
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500	
			- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000	
			- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000	
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000	
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500	
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000	
							3.974.000	
3	Ngày 02/12/2025 (Tổng 203 hs ăn)	Bữa trưa: (Thịt gà rang gừng + đậu phụ rán, su su luộc)	- Thịt gà	Kg	135.000	20,5	2.767.500	
			- Đậu phụ	Kg	25.000	16	400.000	
			- Su su	Kg	16.000	14	224.000	
			- Cà chua	Kg	17.000		-	
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000	
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500	
			- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000	
			- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000	
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000	
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500	
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000	
			- Gừng	Kg	30.000	0,4	12.000	
			- Ga	Kg	36.400	12	436.800	
							4.040.300	
		Bữa tối:	- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	13	1.690.000	
			- Trứng	Quả	4.500	165	742.500	
			- Giò	Kg	150.000	8	1.200.000	
			- Bí xanh	Kg	16.000	13	208.000	
			- Cà chua	Kg	17.000			
			- Mắm	Chai	20.000	3	60.000	



4	Ngày 03/12/2025 (Tổng 203 hs ăn)	(Thịt lợn rang, Trứng rán, Giò chấm mắm, Bí xanh luộc)	- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500	
			- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000	
			- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000	
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000	
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500	
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000	
								4.060.500
		Bữa trưa : (Chả cá rán; Đậu phụ rán sốt cà chua; canh rau cải, Thịt lợn xào su su)	- Chả cá	Kg	95.000	15	1.425.000	
			- Đậu phụ	Kg	25.000	15	375.000	
			- Su su	Kg	16.000	12	192.000	
			- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	9,7	1.261.000	
			- Rau cải	Kg	18.000	9	162.000	
			- Cà chua	Kg	17.000	2	34.000	
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000	
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500	
			- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000	
			- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000	
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000	
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500	
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000	
			- Ga	Kg	36.400	12	436.800	
							4.085.800	
		Bữa tối: (Thịt lợn trứng kho tàu, Giò chấm mắm, Bắp cải luộc)	- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	13	1.690.000	
			- Trứng vịt	Quả	4.500	170	765.000	
			- Bắp cải	Kg	18.000	13	234.000	
			- Giò	Kg	150.000	8	1.200.000	
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000	
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500	
- Dầu ăn	Lít		45.000	1	45.000			
- Mỳ chính	Kg		60.000	0,4	24.000			
- Nước rửa bát	Chai		34.000	0,5	17.000			
- Hành khô	Kg		55.000	0,3	16.500			
- Hành lá	Kg		50.000	0,2	10.000			
- Gừng	Kg		30.000					
						4.044.000		
5	Ngày 04/12/2025 (Tổng 203 hs ăn)	Bữa trưa: (Thịt lợn rang + trứng luộc; đậu phụ rán, canh bí đỏ)	- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	15,5	2.015.000	
			- Trứng vịt	Quả	4.500	204	918.000	
			- Đậu phụ	Kg	25.000	15	375.000	
			- Bí đỏ	Kg	16.000	13	208.000	
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000	
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500	
			- Dầu ăn	Lít	45.000		-	
			- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000	
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000	
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500	
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000	
			- Gừng	Kg	30.000		-	
			- Ga	Kg	36.400	12	436.800	
								4.062.800
		Bữa tối:	- Chả cá	Kg	95.000	16	1.520.000	
			- Đậu phụ	Kg	25.000	15	375.000	
			- Giá đỗ	Kg	20.000	10,5	210.000	
			- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	11	1.430.000	
			- Bắp cải	Kg	18.000	13	234.000	
			- Cà chua	Kg	17.000		-	



6	Ngày 05/12/2025 (Tổng 203 hs ăn)	(Chà cá rán, Đậu phụ rán, Thịt lợn xào giá đỗ, Bắp cải luộc)	- Mắm	Chai	20.000	2	40.000
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500
			- Dầu ăn	Lít	45.000	3	135.000
			- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000
							4.014.000
		Bữa trưa: (Thịt lợn rang + đậu phụ sốt cà chua, chả lụa rim mắm, Bí xanh luộc)	- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	13	1.690.000
			- Đậu phụ	Kg	25.000	15	375.000
			- Chả lụa	Kg	150.000	8	1.200.000
			- Bí xanh	Kg	16.000	12	192.000
			- Cà chua	Kg	17.000	2	34.000
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500
			- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000
			- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000
			- Gà	Kg	36.400	12	436.800
							4.127.800
		Bữa tối: (Gà rang gừng, Bắp cải luộc, Trứng rán)	- Thịt gà	Kg	135.000	20	2.700.000
			- Trứng vịt	Quả	4.500	202	909.000
			- Bắp cải	Kg	18.000	13	234.000
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500
			- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000
			- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000
			- Gừng	Kg	30.000	0,2	6.000
							4.049.000

NGƯỜI LẬP

Sùng Thị Hoa



Vũ Xuân Hồng

THỰC ĐƠN ĂN NỘI TRÚ NĂM HỌC 2025 - 2026
(Từ ngày 08/12/2025 đến 12/12/2025)

Thứ	Ngày/tháng/năm	Bữa ăn	Chi tiết thực phẩm	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
2	Ngày 08/12/2025 (Tổng 203 hs ăn)	Bữa trưa: (Thịt lợn rang + đậu phụ sốt cà chua, Chả lụa rim mắm, canh bí đỏ)	- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	13	1.690.000	
			- Đậu phụ	Kg	25.000	15	375.000	
			- Chả lụa	Kg	150.000	8	1.200.000	
			- Bí đỏ	Kg	16.000	13	208.000	
			- Cà chua	Kg	17.000	2	34.000	
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000	
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500	
			- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000	
			- Mỹ chính	Kg	60.000	0,4	24.000	
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000	
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500	
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000	
			- Ga	Kg	36.400	12	436.800	
							4.143.800	
		Bữa tối: (Chả cá rán; trứng rán; canh cải bắp, thịt xào su su)	- Chả cá	Kg	95.000	13,5	1.282.500	
			- Trứng	Quả	4.500	203	913.500	
			- Cải bắp	Kg	18.000	12	216.000	
			- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	9	1.170.000	
			- Su su	Kg	16.000	12	192.000	
			- Cà chua	Kg	17.000		-	
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000	
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500	
			- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000	
			- Mỹ chính	Kg	60.000	0,4	24.000	
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000	
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500	
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000	
							3.974.000	
3	Ngày 09/12/2025 (Tổng 203 hs ăn)	Bữa trưa: (Thịt gà rang gừng + đậu phụ rán, su su luộc)	- Thịt gà	Kg	135.000	20,5	2.767.500	
			- Đậu phụ	Kg	25.000	16	400.000	
			- Su su	Kg	16.000	14	224.000	
			- Cà chua	Kg	17.000		-	
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000	
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500	
			- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000	
			- Mỹ chính	Kg	60.000	0,4	24.000	
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000	
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500	
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000	
			- Gừng	Kg	30.000	0,4	12.000	
			- Ga	Kg	36.400	12	436.800	
							4.040.300	
		Bữa tối: (Thịt lợn rang, Trứng rán, Giò chấm mắm)	- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	13	1.690.000	
			- Trứng	Quả	4.500	165	742.500	
			- Giò	Kg	150.000	8	1.200.000	
			- Bí xanh	Kg	16.000	13	208.000	
			- Cà chua	Kg	17.000			
			- Mắm	Chai	20.000	3	60.000	
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500	



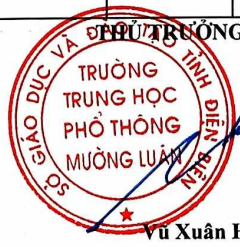
4	Ngày 10/12/2025 (Tổng 203 hs ăn)	<i>Giò chầm mỡ, Bì xanh luộc</i>	- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000
			- Mỹ chính	Kg	60.000	0,4	24.000
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000
							4.060.500
		Bữa trưa: (Chả cá rán; Đậu phụ rán sốt cà chua; canh rau cải, Thịt lợn xào su su)	- Chả cá	Kg	95.000	15	1.425.000
			- Đậu phụ	Kg	25.000	15	375.000
			- Su su	Kg	16.000	12	192.000
			- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	9,7	1.261.000
			- Rau cải	Kg	18.000	9	162.000
			- Cà chua	Kg	17.000	2	34.000
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500
			- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000
			- Mỹ chính	Kg	60.000	0,4	24.000
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000
			- Ga	Kg	36.400	12	436.800
							4.085.800
		Bữa tối: (Thịt lợn trắng kho tầu, Giò chầm mỡ, Bắp cải luộc)	- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	13	1.690.000
			- Trứng vịt	Quả	4.500	170	765.000
			- Bắp cải	Kg	18.000	13	234.000
			- Giò	Kg	150.000	8	1.200.000
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500
			- Dầu ăn	Lít	45.000	1	45.000
			- Mỹ chính	Kg	60.000	0,4	24.000
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000
			- Gừng	Kg	30.000		
							4.044.000
5	Ngày 11/12/2025 (Tổng 203 hs ăn)	Bữa trưa: (Thịt lợn rang + trứng luộc; đậu phụ rán, canh bí đỏ)	- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	15,5	2.015.000
			- Trứng vịt	Quả	4.500	204	918.000
			- Đậu phụ	Kg	25.000	15	375.000
			- Bí đỏ	Kg	16.000	13	208.000
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500
			- Dầu ăn	Lít	45.000		-
			- Mỹ chính	Kg	60.000	0,4	24.000
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000
			- Gừng	Kg	30.000		-
			- Ga	Kg	36.400	12	436.800
							4.062.800
		Bữa tối: (Chả cá rán, Đậu phụ rán,	- Chả cá	Kg	95.000	16	1.520.000
			- Đậu phụ	Kg	25.000	15	375.000
			- Giá đỗ	Kg	20.000	10,5	210.000
			- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	11	1.430.000
			- Bắp cải	Kg	18.000	13	234.000
			- Cà chua	Kg	17.000		-
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000



6	Ngày 12/12/2025 (Tổng 203 hs ăn)	Thịt lợn xào giá đỗ, Bắp cải luộc)	- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500
			- Dầu ăn	Lít	45.000	3	135.000
			- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000
							4.014.000
		Bữa trưa: (Thịt lợn rang + đậu phụ sốt cà chua, chả lụa rim mắm, Bí xanh luộc)	- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	13	1.690.000
			- Đậu phụ	Kg	25.000	15	375.000
			- Chả lụa	Kg	150.000	8	1.200.000
			- Bí xanh	Kg	16.000	12	192.000
			- Cà chua	Kg	17.000	2	34.000
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500
			- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000
			- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000
			- Ga	Kg	36.400	12	436.800
							4.127.800
		Bữa tối: (Gà rang gừng, Bắp cải luộc, Trứng rán)	- Thịt gà	Kg	135.000	20	2.700.000
			- Trứng vịt	Quả	4.500	202	909.000
			- Bắp cải	Kg	18.000	13	234.000
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500
			- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000
			- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000
			- Gừng	Kg	30.000	0,2	6.000
							4.049.000

NGƯỜI LẬP

Sùng Duyệt Hoa



Vũ Xuân Hồng

THỰC ĐƠN ĂN NỘI TRÚ NĂM HỌC 2025 - 2026

(Từ ngày 15/12/2025 đến 19/12/2025)

Thứ	Ngày/tháng/năm	Bữa ăn	Chi tiết thực phẩm	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
2	Ngày 15/12/2025 (Tổng 203 hs ăn)	Bữa trưa: (Thịt lợn rang + đậu phụ sốt cà chua , Chả lụa rim mắm, canh bí đỏ)	- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	13	1.690.000	
			- Đậu phụ	Kg	25.000	15	375.000	
			- Chả lụa	Kg	150.000	8	1.200.000	
			- Bí đỏ	Kg	16.000	13	208.000	
			- Cà chua	Kg	17.000	2	34.000	
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000	
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500	
			- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000	
			- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000	
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000	
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500	
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000	
			- Ga	Kg	36.400	12	436.800	
							4.143.800	
		Bữa tối: (Chả cá rán; trứng rán; canh cải bắp, thịt xào su su)	- Chả cá	Kg	95.000	13,5	1.282.500	
			- Trứng	Quả	4.500	203	913.500	
			- Cải bắp	Kg	18.000	12	216.000	
			- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	9	1.170.000	
			- Su su	Kg	16.000	12	192.000	
			- Cà chua	Kg	17.000		-	
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000	
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500	
			- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000	
			- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000	
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000	
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500	
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000	
							3.974.000	
3	Ngày 16/12/2025 (Tổng 203 hs ăn)	Bữa trưa: (Thịt gà rang gừng + đậu phụ rán, su su luộc)	- Thịt gà	Kg	135.000	20,5	2.767.500	
			- Đậu phụ	Kg	25.000	16	400.000	
			- Su su	Kg	16.000	14	224.000	
			- Cà chua	Kg	17.000		-	
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000	
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500	
			- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000	
			- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000	
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000	
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500	
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000	
			- Gừng	Kg	30.000	0,4	12.000	
			- Ga	Kg	36.400	12	436.800	
							4.040.300	
			- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	13	1.690.000	
			- Trứng	Quả	4.500	165	742.500	
			- Giò	Kg	150.000	8	1.200.000	
			- Bí xanh	Kg	16.000	13	208.000	



4	Ngày 17/12/2025 (Tổng 203 hs ăn)	Bữa tối: (Thịt lợn rang, Trứng rán, Giò chấm mắm, Bí xanh luộc)	- Cà chua	Kg	17.000			
			- Mắm	Chai	20.000	3	60.000	
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500	
			- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000	
			- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000	
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000	
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500	
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000	
							4.060.500	
		Bữa trưa : (Chả cá rán; Đậu phụ rán sốt cà chua; canh rau cải, Thịt lợn xào su su)	- Chả cá	Kg	95.000	15	1.425.000	
			- Đậu phụ	Kg	25.000	15	375.000	
			- Su su	Kg	16.000	12	192.000	
			- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	9,7	1.261.000	
			- Rau cải	Kg	18.000	9	162.000	
			- Cà chua	Kg	17.000	2	34.000	
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000	
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500	
			- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000	
			- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000	
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000	
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500	
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000	
			- Ga	Kg	36.400	12	436.800	
							4.085.800	
			Bữa tối: (Thịt lợn trứng kho tàu, Giò chấm mắm, Bắp cải luộc)	- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	13	1.690.000
				- Trứng vịt	Quả	4.500	170	765.000
				- Bắp cải	Kg	18.000	13	234.000
				- Giò	Kg	150.000	8	1.200.000
		- Mắm		Chai	20.000	2	40.000	
- Muối	Kg	5.000		0,5	2.500			
- Dầu ăn	Lít	45.000		1	45.000			
- Mỳ chính	Kg	60.000		0,4	24.000			
- Nước rửa bát	Chai	34.000		0,5	17.000			
- Hành khô	Kg	55.000		0,3	16.500			
- Hành lá	Kg	50.000		0,2	10.000			
- Gừng	Kg	30.000						
				4.044.000				
5	Ngày 18/12/2025 (Tổng 203 hs ăn)	Bữa trưa: (Thịt lợn rang + trứng luộc; đậu phụ rán, canh bí đỏ)	- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	15,5	2.015.000	
			- Trứng vịt	Quả	4.500	204	918.000	
			- Đậu phụ	Kg	25.000	15	375.000	
			- Bí đỏ	Kg	16.000	13	208.000	
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000	
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500	
			- Dầu ăn	Lít	45.000		-	
			- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000	
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000	
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500	
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000	
			- Gừng	Kg	30.000		-	
			- Ga	Kg	36.400	12	436.800	
							4.062.800	
			- Chả cá	Kg	95.000	16	1.520.000	
			- Đậu phụ	Kg	25.000	15	375.000	
			- Giá đỗ	Kg	20.000	10,5	210.000	



- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	11	1.430.000
- Bắp cải	Kg	18.000	13	234.000
- Cà chua	Kg	17.000		-
- Mắm	Chai	20.000	2	40.000
- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500
- Dầu ăn	Lít	45.000	3	135.000
- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000
- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000
- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500
- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000
				4.014.000

Bữa tối:
(Chả cá rán, Đậu phụ rán,
Thịt lợn xào giá đỗ, Bắp
cải luộc)

- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	13	1.690.000
- Đậu phụ	Kg	25.000	15	375.000
- Chả lụa	Kg	150.000	8	1.200.000
- Bí xanh	Kg	16.000	12	192.000
- Cà chua	Kg	17.000	2	34.000
- Mắm	Chai	20.000	2	40.000
- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500
- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000
- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000
- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000
- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500
- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000
- Gà	Kg	36.400	12	436.800
				4.127.800

Bữa trưa:
(Thịt lợn rang + đậu phụ
sốt cà chua, chả lụa rim
mắm, Bí xanh luộc)

- Thịt gà	Kg	135.000	20	2.700.000
- Trứng vịt	Quả	4.500	202	909.000
- Bắp cải	Kg	18.000	13	234.000
- Mắm	Chai	20.000	2	40.000
- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500
- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000
- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000
- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000
- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500
- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000
- gừng	Kg	30.000	0,2	6.000
				4.049.000

Bữa tối:
(Gà rang gừng, Bắp cải
luộc, Trứng rán)

6

Ngày 19/12/2025
(Tổng 203 hs ăn)

NGƯỜI LẬP

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Vũ Xuân Hồng

THỰC ĐƠN ĂN NỘI TRÚ NĂM HỌC 2025 - 2026
(Từ ngày 22/12/2025 đến 26/12/2025)

Thứ	Ngày/tháng/năm	Bữa ăn	Chi tiết thực phẩm	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
2	Ngày 22/12/2025 (Tổng 203 hs ăn)	Bữa trưa: (Thịt lợn rang + đậu phụ sốt cà chua, Chả lụa rim mắm, canh bí đỏ)	- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	13	1.690.000	
			- Đậu phụ	Kg	25.000	15	375.000	
			- Chả lụa	Kg	150.000	8	1.200.000	
			- Bí đỏ	Kg	16.000	13	208.000	
			- Cà chua	Kg	17.000	2	34.000	
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000	
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500	
			- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000	
			- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000	
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000	
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500	
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000	
			- Ga	Kg	36.400	12	436.800	
							4.143.800	
		Bữa tối: (Chả cá rán; trứng rán; canh cải bắp, thịt xào su su)	- Chả cá	Kg	95.000	13,5	1.282.500	
			- Trứng	Quả	4.500	203	913.500	
			- Cải bắp	Kg	18.000	12	216.000	
			- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	9	1.170.000	
			- Su su	Kg	16.000	12	192.000	
			- Cà chua	Kg	17.000		-	
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000	
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500	
			- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000	
			- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000	
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000	
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500	
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000	
							3.974.000	
3	Ngày 23/12/2025 (Tổng 203 hs ăn)	Bữa trưa: (Thịt gà rang gừng + đậu phụ rán, su su luộc)	- Thịt gà	Kg	135.000	20,5	2.767.500	
			- Đậu phụ	Kg	25.000	16	400.000	
			- Su su	Kg	16.000	14	224.000	
			- Cà chua	Kg	17.000		-	
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000	
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500	
			- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000	
			- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000	
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000	
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500	
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000	
			- Gừng	Kg	30.000	0,4	12.000	
			- Ga	Kg	36.400	12	436.800	
							4.040.300	
			- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	13	1.690.000	
			- Trứng	Quả	4.500	165	742.500	
			- Giò	Kg	150.000	8	1.200.000	
			- Bí xanh	Kg	16.000	13	208.000	
			- Cà chua	Kg	17.000			



4	Ngày 24/12/2025 (Tổng 203 hs ăn)	Bữa tối: (Thịt lợn rang, Trứng rán, Giò chấm mắm, Bí xanh luộc)	- Mắm - Muối - Dầu ăn - Mỳ chính - Nước rửa bát - Hành khô - Hành lá	Chai Kg Lít Kg Chai Kg Kg	20.000 5.000 45.000 60.000 34.000 55.000 50.000	3 0,5 2 0,4 0,5 0,3 0,2	60.000 2.500 90.000 24.000 17.000 16.500 10.000	4.060.500
		Bữa trưa : (Chả cá rán; Đậu phụ rán sốt cà chua; canh rau cải, Thịt lợn xào su su)	- Chả cá - Đậu phụ - Su su - Thịt lợn (mông vai) - Rau cải - Cà chua - Mắm - Muối - Dầu ăn - Mỳ chính - Nước rửa bát - Hành khô - Hành lá - Ga	Kg Kg Kg Kg Kg Kg Chai Kg Lít Kg Kg Kg	95.000 25.000 16.000 130.000 18.000 17.000 20.000 5.000 45.000 60.000 34.000 55.000 50.000 36.400	15 15 12 9,7 9 2 2 0,5 2 0,4 0,5 0,3 0,2 12	1.425.000 375.000 192.000 1.261.000 162.000 34.000 40.000 2.500 90.000 24.000 17.000 16.500 10.000 436.800	4.085.800
5	Ngày 25/12/2025 (Tổng 203 hs ăn)	Bữa tối: (Thịt lợn trứng kho tàu, Giò chấm mắm, Bắp cải luộc)	- Thịt lợn (mông vai) - Trứng vịt - Bắp cải - Giò - Mắm - Muối - Dầu ăn - Mỳ chính - Nước rửa bát - Hành khô - Hành lá - Gừng	Kg Quả Kg Kg Chai Kg Lít Kg Chai Kg Kg Kg	130.000 4.500 18.000 150.000 20.000 5.000 45.000 60.000 34.000 55.000 50.000 30.000	13 170 13 8 2 0,5 1 0,4 0,5 0,3 0,2	1.690.000 765.000 234.000 1.200.000 40.000 2.500 45.000 24.000 17.000 16.500 10.000	4.044.000
		Bữa trưa: (Thịt lợn rang + trứng luộc; đậu phụ rán, canh bí đỏ)	- Thịt lợn (mông vai) - Trứng vịt - Đậu phụ - Bí đỏ - Mắm - Muối - Dầu ăn - Mỳ chính - Nước rửa bát - Hành khô - Hành lá - Gừng - Ga	Kg Quả Kg Kg Chai Kg Lít Kg Chai Kg Kg Kg	130.000 4.500 25.000 16.000 20.000 5.000 45.000 60.000 34.000 55.000 50.000 30.000 36.400	15,5 204 15 13 2 0,5 - 0,4 0,5 0,3 0,2	2.015.000 918.000 375.000 208.000 40.000 2.500 - 24.000 17.000 16.500 10.000 - 436.800	4.062.800
5	Ngày 25/12/2025 (Tổng 203 hs ăn)		- Chả cá - Đậu phụ - Giá đỗ - Thịt lợn (mông vai)	Kg Kg Kg Kg	95.000 25.000 20.000 130.000	16 15 10,5 11	1.520.000 375.000 210.000 1.430.000	

TẠO
 NG
 HỌC
 ĐÔNG
 LUẬN

6	Bữa tối: (Chả cá rán, Đậu phụ rán, Thịt lợn xào giá đỗ, Bắp cải luộc)	- Bắp cải	Kg	18.000	13	234.000
		- Cà chua	Kg	17.000		-
		- Mắm	Chai	20.000	2	40.000
		- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500
		- Dầu ăn	Lít	45.000	3	135.000
		- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000
		- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000
		- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500
		- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000
						4.014.000
	Bữa trưa: (Thịt lợn rang + đậu phụ sốt cà chua, chả lụa rim mắm, Bì xanh luộc)	- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	13	1.690.000
		- Đậu phụ	Kg	25.000	15	375.000
		- Chả lụa	Kg	150.000	8	1.200.000
		- Bì xanh	Kg	16.000	12	192.000
		- Cà chua	Kg	17.000	2	34.000
		- Mắm	Chai	20.000	2	40.000
		- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500
		- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000
		- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000
		- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000
		- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500
		- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000
		- Gà	Kg	36.400	12	436.800
						4.127.800
	Bữa tối: (Gà rang gừng, Bắp cải luộc, Trứng rán)	- Thịt gà	Kg	135.000	20	2.700.000
		- Trứng vịt	Quả	4.500	202	909.000
		- Bắp cải	Kg	18.000	13	234.000
		- Mắm	Chai	20.000	2	40.000
		- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500
		- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000
		- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000
		- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000
		- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500
		- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000
		- Gừng	Kg	30.000	0,2	6.000
						4.049.000

NGƯỜI LẬP

Sùng Thị Hoa



Vũ Xuân Hồng

THỰC ĐƠN ĂN NỘI TRÚ NĂM HỌC 2025 - 2026

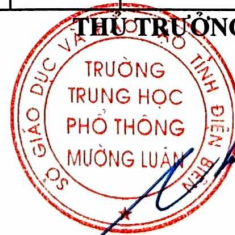
(Từ ngày 29/12/2025 đến 31/12/2025)

Thứ	Ngày/tháng/năm	Bữa ăn	Chi tiết thực phẩm	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
2	Ngày 29/12/2025 (Tổng 203 hs ăn)	Bữa trưa: (Thịt lợn rang + đậu phụ sốt cà chua, Chà lụa rim mắm, canh bí đỏ)	- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	13	1.690.000	
			- Đậu phụ	Kg	25.000	15	375.000	
			- Chà lụa	Kg	150.000	8	1.200.000	
			- Bí đỏ	Kg	16.000	13	208.000	
			- Cà chua	Kg	17.000	2	34.000	
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000	
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500	
			- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000	
			- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000	
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000	
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500	
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000	
			- Ga	Kg	36.400	12	436.800	
							4.143.800	
		Bữa tối: (Chà cá rán; trứng rán; canh cải bắp, thịt xào su su)	- Chà cá	Kg	95.000	13,5	1.282.500	
			- Trứng	Quả	4.500	203	913.500	
			- Cải bắp	Kg	18.000	12	216.000	
			- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	9	1.170.000	
			- Su su	Kg	16.000	12	192.000	
			- Cà chua	Kg	17.000		-	
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000	
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500	
			- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000	
			- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000	
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000	
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500	
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000	
							3.974.000	
3	Ngày 30/12/2025 (Tổng 203 hs ăn)	Bữa trưa: (Thịt gà rang gừng + đậu phụ rán, su su luộc)	- Thịt gà	Kg	135.000	20,5	2.767.500	
			- Đậu phụ	Kg	25.000	16	400.000	
			- Su su	Kg	16.000	14	224.000	
			- Cà chua	Kg	17.000		-	
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000	
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500	
			- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000	
			- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000	
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000	
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500	
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000	
			- Gừng	Kg	30.000	0,4	12.000	
			- Ga	Kg	36.400	12	436.800	
							4.040.300	

4	Ngày 31/12/2025 (Tổng 203 hs ăn)	Bữa tối: (Thịt lợn rang, Trứng rán, Giò chấm mắm, Bí xanh luộc)	- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	13	1.690.000
			- Trứng	Quả	4.500	165	742.500
			- Giò	Kg	150.000	8	1.200.000
			- Bí xanh	Kg	16.000	13	208.000
			- Cà chua	Kg	17.000		
			- Mắm	Chai	20.000	3	60.000
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500
			- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000
			- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000
							4.060.500
		Bữa trưa : (Chả cá rán; Đậu phụ rán sốt cà chua; canh rau cải, Thịt lợn xào su su)	- Chả cá	Kg	95.000	15	1.425.000
			- Đậu phụ	Kg	25.000	15	375.000
			- Su su	Kg	16.000	12	192.000
			- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	9,7	1.261.000
			- Rau cải	Kg	18.000	9,2	165.600
			- Cà chua	Kg	17.000	2	34.000
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500
			- Dầu ăn	Lít	45.000	2	90.000
			- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000
			- Gà	Kg	36.400	12	436.800
							4.089.400
		Bữa tối: (Thịt lợn trứng kho tầu, Giò chấm mắm, Bắp cải luộc)	- Thịt lợn (mông vai)	Kg	130.000	13	1.690.000
			- Trứng vịt	Quả	4.500	170	765.000
			- Bắp cải	Kg	18.000	13	234.000
			- Giò	Kg	150.000	8	1.200.000
			- Mắm	Chai	20.000	2	40.000
			- Muối	Kg	5.000	0,5	2.500
			- Dầu ăn	Lít	45.000	1	45.000
			- Mỳ chính	Kg	60.000	0,4	24.000
			- Nước rửa bát	Chai	34.000	0,5	17.000
			- Hành khô	Kg	55.000	0,3	16.500
			- Hành lá	Kg	50.000	0,2	10.000
			- Gừng	Kg	30.000		
							4.044.000

NGƯỜI LẬP

Sùng Thị Hoa



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Vũ Xuân Hồng